



Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2025



Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số**

2600114002

ngày 22 tháng 3 năm 2007

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 2600114002 ngày 11 tháng 12 năm 2025. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đầu tiên và các bản điều chỉnh do Sở Tài chính tỉnh Phú Thọ cấp.

Hội đồng Quản trị

Bà Trần Lê Hoa
Ông Phan Thanh Hải
Ông Nguyễn Hồng Tiến
Bà Nguyễn Thị Liên Hà
Ông Dương Thế Quang
Ông Lâm Du An
Ông Võ Phước Giàu

Chủ tịch (từ ngày 18 tháng 4 năm 2025)
Chủ tịch (đến ngày 17 tháng 4 năm 2025)
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên (từ ngày 18 tháng 4 năm 2025)
Thành viên (đến ngày 17 tháng 4 năm 2025)

Ban Kiểm soát

Bà Lê Thị Lan Anh
Bà Hoàng Thanh Vân
Bà Nguyễn Thị Mai Linh

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Hồng Tiến
Ông Ngô Văn Phong

Giám đốc
Phó Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Khu 6, Xã Thanh Ba
Tỉnh Phú Thọ
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân

Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 34 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.


Thay mặt Ban Giám đốc
Nguyễn Hồng Tiến
Giám đốc

Tỉnh Phú Thọ, ngày 6 tháng 3 năm 2026



Chi nhánh Công ty TNHH KPMG
Số 115 Đường Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 6 tháng 3 năm 2026, được trình bày từ trang 5 đến trang 34.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 25-01-00665-26-1



Triệu Tích Quyên

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 4629-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Nelson Rodriguez Casihan

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 2225-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 6 tháng 3 năm 2026

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		63.962.719.236	49.712.228.683
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	18.905.689.092	7.483.388.241
Tiền	111		7.405.689.092	7.483.388.241
Các khoản tương đương tiền	112		11.500.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		16.490.685.254	10.288.394.870
Phải thu của khách hàng	131	6	18.210.507.137	8.757.080.980
Trả trước cho người bán	132		-	3.347.781.398
Phải thu khác	136		1.254.106.301	1.223.020.676
Dự phòng phải thu khó đòi	137	7	(2.973.928.184)	(3.039.488.184)
Hàng tồn kho	140	8	27.338.435.503	31.100.046.789
Hàng tồn kho	141		32.629.037.599	36.342.081.317
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(5.290.602.096)	(5.242.034.528)
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.227.909.387	840.398.783
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.227.909.387	650.042.929
Thuế phải thu Nhà nước	153		-	190.355.854
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		75.011.602.594	76.906.176.027
Tài sản cố định	220		59.808.579.422	59.557.434.236
Tài sản cố định hữu hình	221	9	59.773.422.252	59.496.633.018
Nguyên giá	222		262.983.185.966	255.804.237.568
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(203.209.763.714)	(196.307.604.550)
Tài sản cố định vô hình	227		35.157.170	60.801.218
Nguyên giá	228		76.932.152	76.932.152
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(41.774.982)	(16.130.934)
Bất động sản đầu tư cho thuê	230	10	516.420.205	605.975.834
Nguyên giá	231		8.331.337.229	8.331.337.229
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(7.814.917.024)	(7.725.361.395)
Tài sản dở dang dài hạn	240		-	160.892.578
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	160.892.578
Đầu tư tài chính dài hạn	250		8.530.500.000	8.530.500.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	11	8.530.500.000	8.530.500.000
Tài sản dài hạn khác	260		6.156.102.967	8.051.373.379
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	4.594.605.133	6.379.085.011
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.561.497.834	1.672.288.368
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		138.974.321.830	126.618.404.710

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

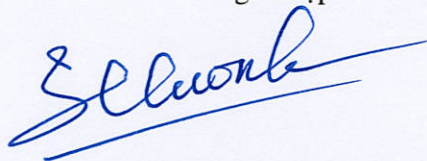
Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		69.561.155.319	58.247.321.413
Nợ ngắn hạn	310		64.325.600.026	53.455.520.319
Phải trả người bán	311	13	10.652.253.223	8.145.560.199
Người mua trả tiền trước	312		523.383.959	927.800.000
Thuế phải nộp Nhà nước	313	14	35.326.141.933	25.241.623.094
Phải trả người lao động	314		1.939.568.224	1.853.044.677
Chi phí phải trả	315		284.671.238	847.353.803
Phải trả khác	319	15	11.837.718.074	12.998.660.330
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	16	3.761.863.375	3.441.478.216
Nợ dài hạn	330		5.235.555.293	4.791.801.094
Dự phòng phải trả dài hạn	342	17	5.235.555.293	4.791.801.094
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		69.413.166.511	68.371.083.297
Vốn chủ sở hữu	410	18	69.413.166.511	68.371.083.297
Vốn cổ phần	411	19	30.000.000.000	30.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		30.000.000.000	30.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	21	19.107.852.804	19.107.852.804
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		20.305.313.707	19.263.230.493
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		18.502.330.496	17.830.752.474
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong năm	421b		1.802.983.211	1.432.478.019
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		138.974.321.830	126.618.404.710

Ngày 6 tháng 3 năm 2026

Người lập:



Phùng Thị Hiền Lương
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Hoàng Thị Bình
Kế toán trưởng



Nguyễn Hồng Tiến
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

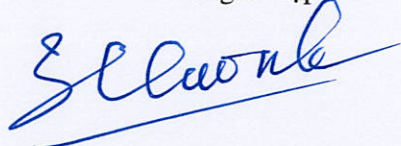
Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND
Doanh thu	01	23	335.938.810.301	339.921.066.313
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	166.139.650	-
Doanh thu thuần (10 = 01 – 02)	10	23	335.772.670.651	339.921.066.313
Giá vốn	11	24	314.605.174.152	320.189.062.284
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		21.167.496.499	19.732.004.029
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	1.322.264.265	1.474.175.911
Chi phí tài chính	22	26	229.586.095	415.020.150
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		83.134.520	289.174.247
Chi phí bán hàng	25	27	1.222.851.797	1.829.637.475
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	14.302.430.180	12.997.232.709
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		6.734.892.692	5.964.289.606
Thu nhập khác	31		89.761.325	98.030.860
Chi phí khác	32		86.526.436	1.074.483
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		3.234.889	96.956.377
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		6.738.127.581	6.061.245.983
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	1.266.133.837	1.283.304.279
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	30	110.790.533	(22.536.318)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		5.361.203.211	4.800.478.022
Lãi trên cổ phiếu				(Điều chỉnh lại)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	605	724

Ngày 6 tháng 3 năm 2026

Người lập:



Phùng Thị Hiền Lương
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Hoàng Thị Bình
Kế toán trưởng



Nguyễn Hồng Tiến
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		6.738.127.581	6.061.245.983
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao	02		8.979.813.780	9.294.865.388
Các khoản dự phòng	03		503.950.510	875.243.813
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(4.244.071)	19.387.711
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(1.179.564.496)	(1.221.706.180)
Chi phí lãi vay	06		83.134.520	289.174.247
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		15.121.217.824	15.318.210.962
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09		(9.233.041.835)	4.666.198.717
Biến động hàng tồn kho	10		3.694.407.828	7.528.918.585
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		10.114.244.626	(840.118.061)
Biến động chi phí trả trước	12		1.206.613.420	(75.944.265)
			20.903.441.863	26.597.265.938
Tiền lãi vay đã trả	14		(83.134.520)	(314.426.850)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(729.447.709)	(1.866.504.416)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.543.937.691)	(2.303.606.327)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		17.546.921.943	22.112.728.345
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định	21		(5.345.411.206)	(5.655.168.928)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		10.500.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		1.195.018.120	1.236.623.988
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4.139.893.086)	(4.418.544.940)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

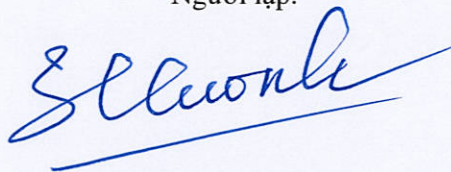
Mẫu B 03 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		38.300.000.000	85.300.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(38.300.000.000)	(115.100.000.000)
Tiền chi trả cổ tức	36		(1.984.775.000)	(1.713.982.063)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.984.775.000)	(31.513.982.063)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		11.422.253.857	(13.819.798.658)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		7.483.388.241	21.303.185.700
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		46.994	1.199
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	18.905.689.092	7.483.388.241

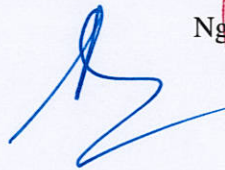
Ngày 6 tháng 3 năm 2026

Người lập:



Phùng Thị Hiền Lương
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Hoàng Thị Bình
Kế toán trưởng



Nguyễn Hồng Tiến
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân (“Công ty”) là một công ty cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước theo Quyết định số 500/QĐ-UBND ngày 6 tháng 3 năm 2007 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Phú Thọ.

Ngày 28 tháng 4 năm 2017, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch là BSD.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh bia, rượu, và nước giải khát; và cho thuê tài sản.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 126 nhân viên (1/1/2025: 129 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa, vật kiến trúc | 5 – 44 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị | 3 – 21 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 6 – 10 năm |

(f) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(g) Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) *Nguyên giá*

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc Công ty. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(ii) **Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa, vật kiến trúc 5 – 44 năm

(h) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, kết sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 6 năm.

(j) Phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản phải trả đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chênh lệch giữa số tiền nhận được từ phát hành cổ phiếu so với mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(o) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay phát sinh trong thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(q) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu “EPS” cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

(t) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***4. Báo cáo bộ phận****(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Hoạt động kinh doanh khác là cho thuê tài sản. Trong năm, hoạt động kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025 và doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty.

(b) Bộ phận chia theo khu vực địa lý

Bộ phận chia theo khu vực địa lý của Công ty dựa trên vị trí địa lý của khách hàng, bao gồm khách hàng trong nước và khách hàng nước ngoài, trong đó doanh thu xuất khẩu chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu của Công ty và không phải là một bộ phận trọng yếu cần báo cáo riêng. Do đó, thông tin tài chính được báo cáo chủ yếu phản ánh hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong lãnh thổ Việt Nam.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Tiền mặt	28.709.883	46.127.939
Tiền gửi ngân hàng	7.376.979.209	7.437.260.302
Các khoản tương đương tiền	11.500.000.000	-
	<hr/>	<hr/>
	18.905.689.092	7.483.388.241

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản tương đương tiền thể hiện tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này được gửi bằng VND và hưởng lãi suất là 4,75% một năm.

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***6. Phải thu của khách hàng****(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn**

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	15.489.055.560	5.996.954.300
Công ty Cổ phần Thương mại New Invention	926.749.581	992.309.581
Các khách hàng khác	1.794.701.996	1.767.817.099
	<hr/>	<hr/>
	18.210.507.137	8.757.080.980

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	15.489.055.560	5.996.954.300
Bên liên quan khác		
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	51.244.485	-

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ không được đảm bảo, không hưởng lãi và được thu hồi khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***7. Dự phòng phải thu khó đòi**

	31/12/2025		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Phải thu của khách hàng	1.750.907.508	(1.750.907.508)	-
Phải thu khác	1.223.020.676	(1.223.020.676)	-
	2.973.928.184	(2.973.928.184)	-

	1/1/2025		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Phải thu của khách hàng	1.816.467.508	(1.816.467.508)	-
Phải thu khác	1.223.020.676	(1.223.020.676)	-
	3.039.488.184	(3.039.488.184)	-

Biến động của dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	3.039.488.184	3.140.384.184
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(65.560.000)	(100.896.000)
Số dư cuối năm	2.973.928.184	3.039.488.184

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***8. Hàng tồn kho**

	31/12/2025		1/1/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	9.019.937.928	(406.269.944)	12.579.268.230	(418.034.446)
Công cụ và dụng cụ	4.393.693.996	(2.354.450.218)	4.568.485.032	(2.294.118.148)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.062.003.251	-	8.076.614.563	-
Thành phẩm	13.153.402.424	(2.529.881.934)	10.919.880.777	(2.529.881.934)
Hàng gửi đi bán	-	-	197.832.715	-
	32.629.037.599	(5.290.602.096)	36.342.081.317	(5.242.034.528)

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	5.242.034.528	5.206.221.659
Dự phòng trích lập trong năm	67.203.458	112.779.826
Dự phòng sử dụng trong năm	(18.635.890)	(76.966.957)
Số dư cuối năm	5.290.602.096	5.242.034.528

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 có 5.291 triệu VND (1/1/2025: 5.242 triệu VND) hàng tồn kho chậm luân chuyển.

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	23.644.344.901	225.475.935.191	6.683.957.476	255.804.237.568
Tăng trong năm	-	9.182.192.578	-	9.182.192.578
Thanh lý	-	(952.339.156)	-	(952.339.156)
Xóa sổ	(1.050.905.024)	-	-	(1.050.905.024)
Số dư cuối năm	22.593.439.877	233.705.788.613	6.683.957.476	262.983.185.966
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	21.013.702.319	169.280.142.611	6.013.759.620	196.307.604.550
Khấu hao trong năm	286.889.120	8.361.277.443	216.447.540	8.864.614.103
Thanh lý	-	(952.339.156)	-	(952.339.156)
Xóa sổ	(1.010.115.783)	-	-	(1.010.115.783)
Số dư cuối năm	20.290.475.656	176.689.080.898	6.230.207.160	203.209.763.714
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	2.630.642.582	56.195.792.580	670.197.856	59.496.633.018
Số dư cuối năm	2.302.964.221	57.016.707.715	453.750.316	59.773.422.252

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 có các tài sản có nguyên giá 151.756 triệu VND (1/1/2025: 142.225 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

PHỤ LỤC
KẾ TOÁN
Hàng năm
31/12/2025

10. Bất động sản đầu tư cho thuê

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	8.331.337.229
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	7.725.361.395
Khấu hao trong năm	89.555.629
Số dư cuối năm	7.814.917.024
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	605.975.834
Số dư cuối năm	516.420.205

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

11. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

		31/12/2025			
	Số cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý (*) VND
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ	853.050	6,82%	8.530.500.000	-	9.127.635.000
		1/1/2025			
	Số cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý (*) VND
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ	853.050	6,82%	8.530.500.000	-	8.615.805.000

(*) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào đơn vị khác được xác định bằng cách tham chiếu giá đóng cửa được niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác này được xác định chỉ nhằm mục đích công bố thông tin.

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Bao bì luân chuyển VND
Số dư đầu năm	6.379.085.011
Phân bổ trong năm	(1.784.479.878)
Số dư cuối năm	4.594.605.133

13. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	4.786.513.551	4.218.354.744
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ ABEE	1.233.421.458	-
Công ty TNHH Liên Hạnh	1.064.650.650	-
Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại Phước Thành IV	254.582.475	1.299.432.000
Các nhà cung cấp khác	3.313.085.089	2.627.773.455
	10.652.253.223	8.145.560.199

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	4.786.513.551	4.218.354.744
Công ty liên quan		
Công ty TNHH MTV Cơ khí Sa Be Co	587.469.000	-
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	21.139.154	-
Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	-	30.132.000

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2025 VND	Phát sinh VND	Đã nộp VND	Đã cấn trừ VND	31/12/2025 VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	22.518.306.472	305.326.827.646	(297.248.011.381)	-	30.597.122.737
Thuế giá trị gia tăng	2.151.372.374	62.605.462.546	(37.431.232.534)	(23.795.416.875)	3.530.185.511
Thuế thu nhập doanh nghiệp	514.207.707	1.266.133.837	(729.447.709)	-	1.050.893.835
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.150.082.823	(1.062.562.899)	-	87.519.924
Thuế đất	-	289.587.429	(289.587.429)	-	-
Các loại thuế khác	57.736.541	318.892.212	(316.208.827)	-	60.419.926
	25.241.623.094	370.956.986.493	(337.077.050.779)	(23.795.416.875)	35.326.141.933

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***15. Phải trả khác**

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Nhận ký quỹ	10.649.417.530	11.030.077.530
Cổ tức phải trả	1.013.645.449	1.498.420.449
Phải trả khác	174.655.095	470.162.351
	11.837.718.074	12.998.660.330

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	3.441.478.216	3.085.659.506
Trích lập trong năm (Thuyết minh 18)	3.544.870.000	3.368.000.003
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 18)	(739.100.003)	(830.960.000)
Sử dụng trong năm	(2.485.384.838)	(2.181.221.293)
	3.761.863.375	3.441.478.216

17. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng phải trả dài hạn phản ánh khoản dự phòng trợ cấp thôi việc. Biến động của dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	4.791.801.094	4.050.826.141
Dự phòng trích lập trong năm	502.307.052	863.359.987
Dự phòng sử dụng trong năm	(58.552.853)	(122.385.034)
	5.235.555.293	4.791.801.094

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Thay đổi vốn chủ sở hữu

Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024

Lợi nhuận thuần trong năm
Cổ tức (Thuyết minh 20)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 16)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2023 (Thuyết minh 16)

Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2025

Lợi nhuận thuần trong năm
Cổ tức (Thuyết minh 20)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 16)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2024 (Thuyết minh 16)
Trích quỹ công tác xã hội

Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
30.000.000.000	19.107.852.804	18.499.792.474	67.607.645.278
-	-	4.800.478.022	4.800.478.022
-	-	(1.500.000.000)	(1.500.000.000)
-	-	(3.368.000.003)	(3.368.000.003)
-	-	830.960.000	830.960.000
30.000.000.000	19.107.852.804	19.263.230.493	68.371.083.297
-	-	5.361.203.211	5.361.203.211
-	-	(1.500.000.000)	(1.500.000.000)
-	-	(3.544.870.000)	(3.544.870.000)
-	-	739.100.003	739.100.003
-	-	(13.350.000)	(13.350.000)
30.000.000.000	19.107.852.804	20.305.313.707	69.413.166.511

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2025 và 1/1/2025	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	30.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	30.000.000.000

Tất cả cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

20. Cổ tức

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty vào ngày 18 tháng 4 năm 2025 đã thông qua việc chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2024 cho các cổ đông là 1.500 triệu VND (tương đương 500 VND/cổ phiếu) (2024: 1.500 triệu VND (tương đương 500 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2023).

21. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(a) Cam kết thuê

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Trong vòng một năm	499.719.733	577.376.447
Từ hai đến năm năm	1.377.625.212	1.528.408.667
Sau năm năm	4.934.755.470	5.283.945.194
	6.812.100.415	7.389.730.308

	31/12/2025		1/1/2025	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	4	109.784	45	1.123.922

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	3.500.000.000	5.302.572.000
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	2.661.239.000	3.998.125.759
	6.161.239.000	9.300.697.759



Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***23. Doanh thu**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	2025 VND	2024 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	332.322.329.375	337.163.452.055
▪ Doanh thu khác	3.616.480.926	2.757.614.258
	<hr/>	<hr/>
	335.938.810.301	339.921.066.313
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(166.139.650)	-
	<hr/>	<hr/>
Doanh thu thuần	335.772.670.651	339.921.066.313
	<hr/>	<hr/>

24. Giá vốn

	2025 VND	2024 VND
Thành phẩm đã bán	313.945.803.717	319.749.439.829
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	67.203.458	112.779.826
Giá vốn khác	592.166.977	326.842.629
	<hr/>	<hr/>
	314.605.174.152	320.189.062.284
	<hr/>	<hr/>

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	2025 VND	2024 VND
Thu nhập từ cổ tức	853.050.000	853.050.000
Thu nhập lãi từ tiền gửi	356.803.737	368.656.180
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	108.166.457	248.869.231
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4.244.071	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	3.600.500
	<hr/>	<hr/>
	1.322.264.265	1.474.175.911
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

26. Chi phí tài chính

	2025 VND	2024 VND
Chi phí lãi vay	83.134.520	289.174.247
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	146.451.575	106.458.192
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	19.387.711
	229.586.095	415.020.150

27. Chi phí bán hàng

	2025 VND	2024 VND
Chi phí vận chuyển	855.394.630	736.795.371
Chi phí khấu hao	40.748.843	158.927.016
Chi phí bán hàng khác	326.708.324	933.915.088
	1.222.851.797	1.829.637.475

28. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2025 VND	2024 VND
Chi phí nhân viên	8.663.673.151	8.121.466.570
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.976.027.640	1.213.922.941
Chi phí khấu hao	368.685.840	349.632.543
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	3.294.043.549	3.312.210.655
	14.302.430.180	12.997.232.709

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

29. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2025 VND	2024 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	277.903.470.022	276.743.956.716
Chi phí nhân công và nhân viên	31.097.072.929	29.938.779.600
Chi phí khấu hao	8.979.813.780	9.294.865.388
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.007.656.449	6.971.622.426
Chi phí khác	5.537.788.152	5.649.193.800

30. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2025 VND	2024 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	1.261.093.835	1.214.148.921
Dự phòng thiếu trong những năm trước	5.040.002	69.155.358
	1.266.133.837	1.283.304.279
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	110.790.533	(22.536.318)
	1.376.924.370	1.260.767.961

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2025 VND	2024 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	6.738.127.581	6.061.245.983
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	1.347.625.516	1.212.249.197
Chi phí không được khấu trừ thuế	194.868.852	149.973.406
Thu nhập không chịu thuế (*)	(170.610.000)	(170.610.000)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	5.040.002	69.155.358
	1.376.924.370	1.260.767.961

(*) Lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty bao gồm 853 triệu VND (2024: 853 triệu VND) cổ tức từ đầu tư góp vốn vào đơn vị khác không chịu thuế.

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(c) Thuế suất áp dụng**

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

31. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 dựa trên lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2025 VND	2024 VND (điều chỉnh lại)
Lợi nhuận thuần trong năm	5.361.203.211	4.800.478.022
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(3.544.870.000)	(3.368.000.003)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	739.100.003
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	1.816.333.211	2.171.578.022

Số trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được ước tính dựa vào số kế hoạch được phê duyệt bởi các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Số trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được điều chỉnh lại dựa trên số trích thực tế được phê duyệt bởi các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024. Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai năm báo cáo là 3.000.000 cổ phiếu.

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2025 VND	2024 VND (Điều chỉnh lại) (*)	2024 VND (Theo báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	605	724	477

(*) Việc điều chỉnh lại báo cáo phản ánh ảnh hưởng của việc điều chỉnh lại số trích vào quỹ khen thưởng phúc lợi như đề cập ở trên.

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2025	2024
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn		
Bán thành phẩm (bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	586.597.761.050	581.812.191.400
Doanh thu khác	51.999.220	40.170.000
Mua nguyên vật liệu	223.561.585.333	220.625.333.590
Mua dịch vụ	377.505.600	532.533.600
Cổ tức đã công bố	768.525.000	768.525.000
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn		
Doanh thu khác	315.437.857	-
Công ty TNHH Một Thành viên Cơ khí Sa Be Co		
Mua hàng hóa	4.147.640.208	488.513.000
Mua dịch vụ	387.500.000	98.820.000
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Bắc		
Mua hàng hóa	315.828.560	188.658.870
Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh		
Mua hàng hóa	232.500.000	232.500.000
Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương		
Mua hàng hóa	50.834.260	62.501.032
Mua dịch vụ	-	5.940.920
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi		
Mua hàng hóa	17.700.000	
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ		
Thu nhập từ cổ tức	853.050.000	853.050.000
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây		
Cổ tức đã công bố	75.000.000	75.000.000
Công ty TNHH Một Thành viên Tập đoàn Bia Sài Gòn		
Mua hàng hóa	-	74.787.920

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

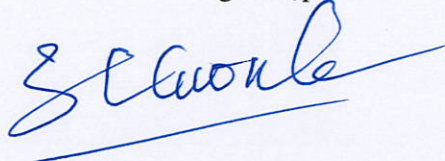
	Giá trị giao dịch	
	2025	2024
	VND	VND
Hội đồng Quản trị		
<i>Thù lao</i>		
Bà Trần Lê Hoa – Chủ tịch (từ ngày 18 tháng 4 năm 2025)	91.250.000	-
Ông Phan Thanh Hải – Chủ tịch (đến ngày 17 tháng 4 năm 2025)	38.750.000	35.000.000
Ông Nguyễn Hồng Tiến – Thành viên	91.000.000	91.000.000
Bà Nguyễn Thị Liên Hà – Thành viên	91.000.000	91.000.000
Ông Dương Thế Quang – Thành viên	91.000.000	91.000.000
Ông Lâm Du An – Thành viên (từ ngày 18 tháng 4 năm 2025)	63.875.000	-
Ông Võ Phước Giàu – Thành viên (từ ngày 17 tháng 4 năm 2025)	27.125.000	24.500.000
Ban Kiểm soát		
<i>Lương, thưởng và thù lao</i>		
Bà Lê Thị Lan Anh – Trưởng ban	430.961.949	431.121.302
Bà Hoàng Thanh Vân – Thành viên	52.000.000	52.000.000
Bà Nguyễn Thị Mai Linh – Thành viên	52.000.000	52.000.000
Ban Giám đốc		
Lương, thưởng và phúc lợi khác	2.421.919.919	2.182.463.685

33. Thông tin so sánh

Ngoại trừ lỗi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh lại như được trình bày ở Thuyết minh 31, các thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2025 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ngày 6 tháng 3 năm 2026

Người lập:



Phùng Thị Hiền Lương
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Hoàng Thị Bình
Kế toán trưởng



Nguyễn Hồng Tiến
Giám đốc

